**Cấp Giấy phép vận tải nội địa** **cho tàu biển nước ngoài**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng: Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài hoặc pháp nhân Việt Nam thuê tàu từ chủ tàu nước ngoài nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc gửi trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Đối với trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp: Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc gửi trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Đối với trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền: Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa tại khu vực mà tàu khách du lịch neo đậu hoặc gửi trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

b) Giải quyết TTHC

- Đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng:

+ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, cán bộ nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến còn thiếu, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Đối với hồ sơ nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hình thức thông báo được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

+ Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép vận tải biển nội địa đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để lấy ý kiến rộng rãi, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Bộ Xây dựng xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa theo mẫu. Trường hợp không cấp Giấy phép vận tải biển nội địa, Bộ Xây dựng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Bộ Xây dựng trả kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để phối hợp quản lý, theo dõi.

- Đối với trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp

+ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, cán bộ nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến còn thiếu, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Đối với hồ sơ nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hình thức thông báo được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thẩm định hồ sơ, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

+ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Bộ Xây dựng xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa theo mẫu. Trường hợp không cấp Giấy phép vận tải biển nội địa, Bộ Xây dựng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Bộ Xây dựng trả kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để phối hợp quản lý, theo dõi.

- Đối với trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền:

+ Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, cán bộ nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến còn thiếu, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Đối với hồ sơ nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hình thức thông báo được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

+ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa theo mẫu. Trường hợp không cấp Giấy phép vận tải biển nội địa phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để báo cáo.

**2.  Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị theo mẫu;

+ 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển;

+ 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao) theo quy định.

+ 01 (một) bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp một trong các loại giấy tờ sau: Hợp đồng đại lý hoặc Giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài) hoặc Hợp đồng thuê tàu giữa chủ tàu nước ngoài với pháp nhân Việt Nam.

- Trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp, hồ sơ bao gồm:

+ Công văn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị cho tàu nước ngoài vào vận tải nội địa;

+ 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển;

+ 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao) theo quy định.

- Trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị theo mẫu;

+ 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển;

+ (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao) theo quy định.

+ 01 (một) bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp một trong các loại giấy tờ sau: Hợp đồng đại lý hoặc Giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài).

+ Phương án chi tiết việc thực hiện vận chuyển hành khách và hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền và ngược lại.

b) Số lượng: 01 (một) bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

c) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng:

+ Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép vận tải biển nội địa đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để lấy ý kiến rộng rãi, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Bộ Xây dựng xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa.

- Trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp:

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thẩm định hồ sơ, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

+ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Bộ Xây dựng xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa

- Trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền:

+ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- Bộ Giao thông vận tải (đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng và phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp).

- Cảng vụ Hàng hải tại khu vực mà tàu khách du lịch vào đất liền (đối với trường hợp vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền).

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

- Bộ Xây dựng;

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

- Các Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa liên quan.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**  Giấy phép vận tải biển nội địa.

a) Thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa là 01 (một) năm được áp dụng đối với các trường hợp như sau:

- Tàu biển phục vụ 01 (một) cơ sở sản xuất hàng hóa;

- Loại tàu biển mà đội tàu biển Việt Nam chưa có.

b) Thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa là 06 (sáu) tháng được áp dụng đối với các loại tàu biển khác không thuộc quy định tại mục a.

c) Trong trường hợp doanh nghiệp đề xuất thời hạn cho tàu biển nước ngoài vận tải biển nội địa, thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa được cấp theo đề nghị của doanh nghiệp nhưng không quá 01 (một) năm đối với trường hợp quy định tại mục a, không quá 06 (sáu) tháng đối với trường hợp quy định tại mục b.

d) Thời hạn của Giấy phép vận tải biển nội địa theo chuyến được áp dụng đối với tàu biển vận chuyển hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền và ngược lại.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải nội địa;

- Giấy phép vận tải biển nội địa.

**10.  Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.

- Thông tư 08/2022/TT-BGTVT ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

**Mẫu Đơn đề nghị**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:   /…….. | *…….., ngày    tháng    năm …….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI BIỂN NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)

- Tổ chức đề nghị: ……………………………………………………………………………

Địa chỉ: …………………………… Điện thoại ………………………………… Fax ………

- Đơn vị quản lý và khai thác tàu: ……………………………………………………………

Địa chỉ: …………………………… Điện thoại ………………………………… Fax ……

- Chủ tàu: ……………………………………………………………………………………

Địa chỉ: …………………………… Điện thoại ………………………………… Fax ……

**Đề nghị cho tàu biển nước ngoài vận tải biển nội địa Việt Nam với các thông tin sau:**

1. Thông tin về tàu:

a) Tên tàu: ……………………………; Quốc tịch: …………………………………………

b) Năm đóng: ………………………..; Loại tàu: ……………………………………………

c) Hô hiệu/Số IMO: ………………….; Tổng trọng tải (DWT)...............................................

d) Tổng dung tích: ……………………………………………………………………………

2. Thông tin về hàng hóa hoặc hành khách, thời hạn vận tải và tuyến vận tải:

a) Loại hàng vận chuyển hoặc số lượng hành khách: ………………………………………

b) Thời hạn vận tải hoặc số chuyến vận tải: …………………………………………………

c) Tuyến vận tải: ……………………………………………………………………………

3. Giải trình rõ mục đích, lý do đề nghị cấp Giấy phép vận tải biển nội địa.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và quá trình hoạt động của tàu biển trên tại Việt Nam theo quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- ………………….;- Lưu: VT,… | **TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ***(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu Giấy phép vận tải biển nội địa do Bộ cấp**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ XÂY DỰNG-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |

**GIẤY PHÉP VẬN TẢI BIỂN NỘI ĐỊA**

**Số: ……………/20.../GPVT**

**Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho phép tàu biển nước ngoài có các thông số cơ bản sau đây được vận tải biển nội địa:**

1. Thông tin về tàu:

a) Tên tàu: ……………………………; Quốc tịch: ……………………………

b) Năm đóng: ………………………..; Loại tàu: ………………………………

c) Hô hiệu/Số IMO: …………..; Tổng trọng tải (DWT).......................................

d) Tổng dung tích: ………………………………………………………………

2. Thông tin về hàng hóa, thời hạn vận tải và tuyến vận tải:

a) Loại hàng: …………………………………………………………………

b) Thời hạn vận tải: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng .. năm ...

c) Tuyến vận tải: …………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

3. Thông tin khác:

a) Nơi cấp, ngày cấp Giấy phép: …………………………………………………

b) Đơn vị quản lý và khai thác tàu (tên, địa chỉ, điện thoại): ……………………

c) Chủ sở hữu tàu (tên, địa chỉ, điện thoại): ……………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BỘ TRƯỞNG***(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu Giấy phép vận tải biển nội địa do Cảng vụ cấp**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM**CẢNG VỤ HÀNG HẢI/CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA……….-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |

**GIẤY PHÉP VẬN TẢI BIỂN NỘI ĐỊA**

Số: ……………/20.../GPVT

**Giám đốc Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa ……………..cho phép tàu biển nước ngoài có các thông số cơ bản sau đây được vận tải biển nội địa:**

1. Thông tin về tàu:

a) Tên tàu: ……………………………; Quốc tịch: ……………………………

b) Năm đóng: ………………………..; Loại tàu: ………………………………

c) Hô hiệu/Số IMO: …………..; Tổng trọng tải (DWT).................................

d) Tổng dung tích: ……………………………………………………………..

2. Thông tin về hành khách, thời hạn vận tải và tuyến vận tải:

a) Số lượng hành khách: ………………………………………………………

b) Thời hạn vận tải: ………………………………………………………………

c) Tuyến vận tải: …………………………………………………………………

3. Thông tin khác:

a) Nơi cấp, ngày cấp Giấy phép: …………………………………………………

b) Đơn vị quản lý và khai thác tàu (tên, địa chỉ, điện thoại) ……………………

c) Chủ sở hữu tàu (tên, địa chỉ, điện thoại): ……………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC***(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |